

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàn Thiện;

Bà Huỳnh Thị Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QDSST-HNGĐ ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tố N, sinh năm: 1992;

Cư trú tại: Khu phố N1, p9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

HKTT: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1987;

Cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Trần Thị Tố N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 16/3/2012, số 33/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau gần 10 năm, sau khi sinh cháu thứ hai vào năm 2018, nguyên đơn phát hiện bị đơn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sau đó vợ chồng đã hòa giải, nhưng không giải quyết được. Đến tháng 9/2022 do mâu thuẫn giữa hai bên đã gay gắt, nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tình trạng hôn nhân đã lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2018 và Lê Trần Nhật D, sinh ngày 15/6/2013, hiện nay các con đang sống chung với mẹ, khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Văn T, được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không chấp hành giấy triệu tập đến tòa để trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng giấy triệu tập của Tòa án; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao con chung Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2018 và Lê Trần Nhật D, sinh ngày 15/6/2013 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề nghị HĐXX giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị Tố N yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Lê Văn T có địa chỉ tại thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Tố N và bị đơn Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2012, số 33/2012 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Tố N xin ly hôn với bị đơn Lê Văn T thấy rằng: Nguyên đơn trình bày vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay.

Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của Lê Văn T) tại biên bản làm việc ngày 11/5/2023 khai: vợ chồng N-T không có sống chung từ trước Tết (2023) đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2023 Công an xã H cung cấp ông Lê Văn T có hộ khẩu thường trú, có đi làm về tại địa chỉ thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt nhiều lần văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn. Như vậy, bị đơn biết việc nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng từ chối tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến là không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ, chấp nhận các nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Đối chiếu với pháp luật tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Từ những thông tin viện dẫn nêu trên, có cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng bà N, ông T đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2018 và Lê Trần Nhật D, sinh ngày 15/6/2013. Hiện nay các con đang sống chung với mẹ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng, được bị đơn đồng thuận. Xét nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp với lợi ích chính đáng và nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Tố N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Tố N được ly hôn với bị đơn Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Trần Bảo N, sinh ngày 25/9/2018 và Lê Trần Nhật D, sinh ngày 15/6/2013 cho nguyên đơn Trần Thị Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009408 ngày 29/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện P;
 - Chi cục THADS huyện P;
 - TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND tỉnh Phú Yên;
 - UBND xã H
- (CNKH số 33 ngày 16/3/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Trương Thị Thu Hiền